

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
...oOo...

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11-SC/MCM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.**

Địa chỉ: Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02123. 866065.

Email: Mocchaumilk@mcmilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5500154060

Số giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn FSSC 22000: VN011682 do Công ty TNHH Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận và cấp ngày 21/02/2024.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: Sữa chua *trân châu đường đen*.

2. Thành phần: Sữa tươi (71%), trân châu (trên 12%) (nước, chất ổn định (1422, 406, 401, 407, 425, 418, 410, 508)), đường, đường đen (5,5%), chất ổn định (1422, 471), gelatin thực phẩm, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, màu tự nhiên (150a), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 327), men *Streptococcus thermophilus*, *Lactobacillus bulgaricus* và *Lactobacillus rhamnosus*.

Thông tin cảnh báo: Có chứa sữa. Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi. Miếng trân châu nhỏ, cẩn thận tránh gây hóc, đặc biệt ở trẻ em.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 20 ngày kể từ ngày sản xuất (Không bao gồm ngày sản xuất).

Hạn sử dụng và ngày sản xuất: xem trên hộp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.

- Quy cách đóng gói: 120 g/hộp.

- Chất liệu bao bì: Hộp nhựa PE hoặc HDPE dán kín bằng màng phức hợp đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.

Sản xuất tại Việt Nam bởi Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.



Địa chỉ: Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm.

Phụ lục đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Các chỉ tiêu an toàn theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men:
- + Giới hạn các chất nhiễm bẩn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,02
2	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
3	Hàm lượng Aldrin	mg/kg	0,006
4	Hàm lượng Benzyl penicilin	µg/kg	4
5	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	100
6	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	0,04
7	Hàm lượng DDT	mg/kg	0,02
8	Hàm lượng Dieldrin	mg/kg	0,006
9	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	200
10	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	0,01
11	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	200
12	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	100
13	Hàm lượng Procaine Benzylpenicilin	µg/kg	4
14	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	200
15	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	200
16	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	100

+ Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	< 1
2	Listeria monocytogenes	CFU/g	≤ 100

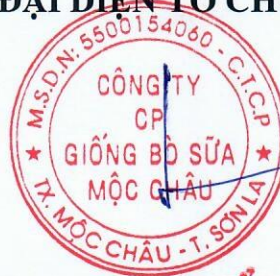
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 11:2025/SC-MCM.

154060
NG TY
CP
G BÒ SỮA
C CHÂU
HÀU - T. C

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Mộc Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam



NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM

**MỘC CHÂU**
MILK

EST
1958



Sữa Chua

***TRÂN CHÂU**
ĐƯỜNG ĐEN*

Khối lượng tịnh: **120 g**



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g:

Năng lượng: 107,1 kcal; Chất đạm: 2,5 g; Chất béo: 2,7 g; Carbohydrat: 18,2 g; Đường tổng số: 15,2 g; Natri: 24,0 mg.

Thành phần: Sữa tươi (71%), trân châu (trên 12%)(nước, chất ổn định (1422, 406, 401, 407, 425, 418, 410, 508)), đường, đường đen (5,5%), chất ổn định (1422, 471), gelatin thực phẩm, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, màu tự nhiên (150a), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 327), men *Streptococcus thermophilus*, *Lactobacillus bulgaricus* và *Lactobacillus rhamnosus*.

Thông tin cảnh báo: Có chứa sữa.

Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi. Miếng trân châu nhỏ, cẩn thận tránh gây hóc, đặc biệt ở trẻ em.

Sử dụng ngay sau khi mở hộp. Bảo quản lạnh ở 4 °C-8 °C.

HSD/ NSX: Xem trên hộp.

Sản xuất tại Việt Nam bởi CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU

Số 912 đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên,

Thị xã Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ: 02123.866065. CSKH: 0243.7368114

CBSP số: 11-SC/MCM/2025.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30456/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: Sữa chua *Trân châu đường đen*
- Mã số mẫu: 05258011/DV.6
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 8.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 22/05/2025
- Thời gian thử nghiệm: 22/05/2025 - 18/06/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CP GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Số 912 Đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên
Thị xã Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Enterobacteriaceae	CFU/g	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.2*	Listeria monocytogenes	CFU/g	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 10)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat tổng số	g/100g	AOAC 986.25	18,3
9.4*	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	17,5
9.5*	Hàm lượng Chất béo sữa	g/100g	TCVN 6688-3:2007	2,63
9.6*	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	TCVN 8099-1:2015	2,70
9.7*	Hàm lượng Đường tổng số (fructose, glucose, galactose, sucrose, maltose, lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	13,0
9.8	Năng lượng (tính từ Chất đạm, Chất béo sữa, Carbohydrate (không bao gồm chất xơ))	kcal/100g	NIFC.02.M.06	104
9.9*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (2023) (Ref. ISO/TS 15495:2010)	KPH (LOD: 0,05)
9.10*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.11*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.12*	Hàm lượng Calci	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	81,6
9.13*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.14*	Hàm lượng Natri	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	31,3
9.15*	Hàm lượng Stibi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (2023) (AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,010)
9.16*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.17*	Hàm lượng Aldrin & Dieldrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.18*	Hàm lượng Benzyl penicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.19*	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.20*	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.21*	Hàm lượng DDT	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.22*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.23*	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.24*	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.25*	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.26*	Hàm lượng Procaine Benzylpenicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.27*	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1,0)
9.28*	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.29*	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu Fructose, Glucose, Sucrose, Maltose và Lactose

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30464/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa chua *Trân châu đường đen*
2. Mã số mẫu: 05258011/DV.6
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 8.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 22/05/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 22/05/2025 - 18/06/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CP GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Số 912 Đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên
Thị xã Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	0,056

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



★TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.